

Số: 92 /TTYT-TCHC

Phường Chũ, ngày 31 tháng 7 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **Trung tâm Y tế Lục Ngạn.**

Số giấy phép hoạt động 609/BG-GPHĐ; Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh, cấp ngày 14 tháng 7 năm 2025.

Địa chỉ: Tổ dân phố Minh Lập, phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKI. Đỗ Văn Sinh.

Điện thoại liên hệ: 0204 2200 555. Email: ttytlucngan.syt@bacninh.gov.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Bác sĩ đa khoa, Cử nhân Y tế công cộng, Y sĩ đa khoa, Điều dưỡng.

2. Trình độ đào tạo thực hành:

- Đại học: Bác sĩ đa khoa, Cử nhân Y tế công cộng, Điều dưỡng.
- Cao đẳng: Y sĩ đa khoa, Điều dưỡng.

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: 55 người. Trong đó:

- Bác sĩ đa khoa: 10 người hoặc 15 người Y sĩ đa khoa cao đẳng.
- Cử nhân Y tế công cộng: 10 người.
- Điều dưỡng: 20 điều dưỡng đại học hoặc 30 điều dưỡng cao đẳng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: 04 người

(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

5. Danh sách các khoa, phòng và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa, phòng:

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành:

(Chi tiết theo Phụ lục số 04 đính kèm)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sinh



PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI TRUNG TÂM Y TẾ LỤC NGẠN

(Tại một thời điểm)

(Kèm theo Công văn số 92 /TTYT-TCHC ngày 31/7/ 2025 của Trung tâm Y tế Lục Ngạn)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng người HD đạt yêu cầu ở khoa /đơn vị thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo người HD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu	Số lượng người TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
I. Trình độ Đại học												
1	7720101	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Khám chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chữa bệnh đa khoa	Khoa Truyền nhiễm	01	10	21	10	0	10
2	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng	Phòng Điều dưỡng	01	10	0	10	0	10
						Khoa Ngoại	01	10	55	10	0	10
3	7720701	Đại học	Y tế công cộng	Y tế công cộng	Thực hành Y tế công cộng, thực hành cộng đồng	Khoa Y tế công cộng – Dinh dưỡng và tiết chế	01	10	0	10	0	10
II. Trình độ Cao đẳng												
1	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Khám chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chữa bệnh đa khoa	Khoa Truyền nhiễm	01	15	21	15	0	15
2	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng	Phòng điều dưỡng	01	15	0	15	0	15
						Khoa Ngoại	01	15	55	15	0	15



PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU

(Tại một thời điểm)

(Kèm theo Công văn số 92 /TTYT-TCHC ngày 31/7/ 2025 của TTYT Lục Ngạn)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chức danh	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học
1	Trần Mạnh Hùng	Bác sĩ CKI	Da liễu	001875/BG-CCHN	Khám chữa bệnh Nội, da liễu	20	Phụ lục 1	Phụ lục 1
2	Phạm Đức Thọ	Cử nhân	Điều dưỡng	002008/BG-CCHN	Điều dưỡng (Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005)	24		
3	Nguyễn Thị Minh Phương	Cử nhân	Điều dưỡng	001909/BG-CCHN	Điều dưỡng (Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005)	21		
4	Phạm Thị Trang	Cử nhân	Y tế công cộng			16		
Tổng số			04 người					



PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH KHOA, PHÒNG VÀ SỐ GIƯỜNG, GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU

(Tại một thời điểm)

(Kèm theo công văn số 92 /TTYT-TCHC ngày 31/7/ 2025 của TTYT Lục Ngạn)

STT	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Ghi chú
1	Khoa Truyền nhiễm	21 GB + 0 ghế răng	
2	Khoa Ngoại	55 GB + 0 ghế răng	
3	Phòng Điều dưỡng	0 GB + 0 ghế răng	
4	Khoa Y tế công cộng – Dinh dưỡng và tiết chế	0 GB + 0 ghế răng	
Tổng số		76 GB và 0 ghế răng	



PHỤ LỤC 4
DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
(Tại một thời điểm)

(Kèm theo Công văn 92 /TTYT-TCHC ngày 31/7/ 2025 của Trung tâm Y tế Lục Ngạn)

I. Cơ sở vật chất, thiết bị văn phòng đảm bảo giảng dạy

STT	Tên máy, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng dùng để giảng dạy lý thuyết và học mô hình không giường bệnh	Phòng	2	
2	Hệ thống phần mềm cho phép truy cập thông tin bệnh nhân phục vụ học tập	Hệ thống	1	
3	Hệ thống trình chiếu đồng bộ	Hệ thống	1	
4	Hệ thống telemedicine	Hệ thống	1	
5	Hệ thống máy tính, máy in, dùng học tập thực hành	Hệ thống	Mỗi khoa, phòng 1 bộ	

II. Hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

STT	Mã máy	Tên thiết bị	Ký hiệu (Model)	Hãng SX	Nước SX	Năm SX	Năm SD	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
1	PT.1.24017.26003BA	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	26003BA	Karl Storz/ Đức	Đức, Thụy Sĩ, Malta, Mỹ, Mexico	2017	2017	Bộ	1	
2	PT.1.24017.27005BA	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiền liệt tuyến	27005BA	Karl Storz/ Đức	Đức, Thụy Sĩ.	2017	2017	Bộ	1	
3	BTĐ.1.24017.PM33882 BTĐ.1.24017.pM33874 BTĐ.1.24017.PM33877	Bơm tiêm điện	Top5300	Top	Nhật Bản	2020	2020	Cái	3	
4	BT.1.24017.BTS20010007	Bồn tắm trẻ sơ sinh	BTS-01	Merufa	Việt Nam	2020	2020	Cái	1	
5	PT.1.24017.KHX2004	Bộ dụng cụ mổ kết hợp xương	KHX	Golter	Pakistan	2004	2004	Bộ	1	

6	BTĐ.1.24017.1006000851	Bơm tiêm điện	TE331NW35	Terumo	Nhật Bản	2010	2010	Cái	1	
7	BTĐ.1.24017.15B0272 BTĐ.1.24017.15B0230 BTĐ.1.24017.15B0273	Bơm tiêm điện	Top-5500	Top	Nhật Bản	2016	2016	Cái	3	
8	PT.1.24017.PTNS2016	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	PTNS	Karl Storz	Đức	2016	2016	Bộ	1	
9	PT.1.24017.26276	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	26276	Karl Storz	Đức, Mỹ, Mexico, Thụy sỹ	2016	2016	Bộ	1	
10	PT.1.24017.30120	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	30120	Karl Storz	Đức	2017	2017	Bộ	1	
11	PT.1.24017.27026	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiền liệt tuyến	27026	Karl Storz	Đức	2017	2017	Bộ	1	
12	PT.1.24017.2016	Bộ dụng cụ phẫu thuật đóng định nội tủy xương	Dụng cụ	Tekno	Đức	2016	2016	Bộ	1	
13	PT.1.24017.2009	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương	Nopa	Nopa	Đức	2009	2009	Bộ	1	
14	PT.1.24017.26168D	Bộ phẫu thuật cắt tử toàn phần nội soi	26168D	Karl Storz	Đức	2016	2016	Bộ	1	
15	PT.1.24017.B006470	Dao cắt cầm máu siêu âm có chức năng hàn mạch	ESG-400	Olympus	Đức	2019	2019	Cái	1	
16	PT.1.24017.8496G0917	Dao mổ điện cao tần	ESU-X300NT	GEISTER/ Đức	Italia	2017	2017	Cái	1	
17	PT.1.24017.04HGS031	Dao mổ điện cao tần COMMED	Sabre	Conmed	Mỹ	2003	2003	Cái	1	
18	GCC.1.24017.0005075000000 1003 GCC.1.24017.0005075000000 1004	Giường cấp cứu đa năng	HM2005J	Hospimetal	Brazzil	2015	2015	Cái	2	
19	GCC.1.24017.181030933001 GCC.1.24017.181030933002	Giường cấp đa năng	TBAP-E3X	Teadong	Hàn Quốc	2018	2018	Cái	2	
20	NS.1.24017.1719017 NS.1.24017.1719016	Hệ thống máy nội soi TMH, 6 optic có xe đẩy, máy tính, máy in	INV250L	Innotech	Hàn Quốc	2017	2017	HT	2	
21	DT.1.24017.08AE00026091	Hệ thống Holter điện tim kèm huyết áp(Holter điện tim)	BTL-08Holter	BTL Industries	Anh	2018	2018	HT	1	
22	HA.1.24017.517624	Hệ thống Holter điện tim kèm huyết áp (Hotler huyết áp)	BTL-08HolterH100	BTL Industries	Anh	2018	2018	HT	1	

23	XQ.1.24017.925270105153	Hệ thống Xquang số hóa	Titan2000	Vikomed	Hàn Quốc	2015	2015	HT	1	
24	CL.1.24017.11755BG6	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 4 lát cắt/vòng quay (gồm phụ kiện tiêu chuẩn)	RevolutionAC Ts	GE	Ấn Độ	2016	2016	HT	1	
25	NS.1.24017.2V609K811	Hệ thống máy nội soi khí phế quản	EPX3500	Fujifim	Nhật Bản	2018	2018	HT	1	
26	PT.1.24017.Tricam SLII	Hệ thống máy phẫu thuật nội soi ổ bụng	TricamSLII	Karl Storz	Đức	2017	2017	HT	1	
27	NS.1.24017.1501520	Hệ thống nội soi dạ dày tá tràng+ đại tràng	Axeon	Olympus	Nhật Bản	2015	2015	HT	1	
28	PT.1.24017.20223011U1	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	20223011U1	Karl Storz	Đức	2013	2013	HT	1	
29	PT.1.24017.51660011 PT.1.24017.557506160617 PT.1.24017.16030780	Hệ thống phẫu thuật phaco bao gồm máy siêu âm AB, Nồi hấp, tủ đựng, và 03 bộ dụng cụ phẫu thuật	Faros-Vupad-2340MK-Rumex	Oertli - Sonomed - Tuttinauer - Rumex	Thụy Sĩ - Mỹ - Hà Lan	2016	2016	HT	1	
30	RO.1.24017.01000L	Hệ thống xử lý nước RO cho thận nhân tạo - công suất 1.000L/H và hệ thống rửa quả lọc	1.000L/H	SenVi	Việt Nam	2019	2019	HT	1	
31	KHV.1.24017.2033545	Kính sinh hiển vi phẫu thuật mắt (mô phaco)	OM9	Takagi Seiko Co.,Ltd	Nhật Bản	2019	2019	Cái	1	
32	MNT.1.2401.A17071100877	Monitor theo dõi bệnh nhân người lớn 5TS	OmniII	Infinium	Mỹ	2017	2017	Cái	1	
33	LA.1.24017.19Y0644	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Neoservo	Atom	Nhật Bản	2010	2010	Cái	1	
34	MNT.1.24017.460489-M117607660002 MNT.1.24017.460489-M117607660009	Monitor sản khoa 2 chức năng	MedGymF6	Infinium	Mỹ	2017	2017	Cái	2	
35	MNT.1.24017.12362 MNT.1.24017.12382	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	PVM-2710	Nihonkoden	Nhật Bản	2018	2018	Cái	2	
36	MNT.1.24017.008110	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	PVM-2710	Nihonkohden	Nhật Bản	2015	2015	Cái	1	
37	MNT.1.24017.ASKM039	Monitor theo dõi khí mê	Vamos	Drager	Đức	2017	2017	Cái	1	
38	LS.1.24017.2016002	Máy Laser CO2	LPT-403	Long Phương	Việt Nam	2016	2016	Cái	1	
39	XQ.1.24017.D3D180316	Máy X quang răng	DX3000	Dexcowin	Hàn Quốc	2018	2018	Cái	1	
40	XQ.1.24017.3M5262E56009	Máy Xquang cao tần 500mA	UD150L-40E	Shimadzu	Nhật Bản	2015	2015	Cái	1	

41	MTD.1.24017.19A0493 MTD.1.24017.19A0499	Máy bơm truyền dịch tự động	TOP-2300	TOP	Maliaxia	2019	2019	Cái	2	
42	MCC.1.24017.0I1007	Máy châm cứu	IC-1107+	Toitu	Nhật Bản	2009	2009	Cái	2	
43	MT.1.24017.4008S	Máy chạy thận nhân tạo	4008S	Fresenius Medical care	Đức	2019	2019	Cái	5	
44	PT.1.24017.UU3500	Máy cắt bệnh phẩm phẫu thuật nội soi	UnidriveSIII	Karl Storz	Thụy Sĩ	2016	2016	Cái	1	
45	LHN.1.24017.11920164	Máy đo lưu huyết não (Chẩn đoán mạch) vi tính	VasoScreen5000	Medis	Đức	2019	2019	Cái	1	
46	ĐT.1.24017.21618	Máy ghi sóng điện tim	1250K	Nihonkohden	Nhật Bản	2015	2015	Cái	1	
47	GR.1.24017.7127	Máy ghế răng	CS200A	CS	Trung Quốc	2005	2005	Cái	1	
48	GR.1.24017.SE03127	Máy ghế răng SELEN	SELEN	SIAMDENT	Thái Lan	2006	2006	Cái	1	
49	GM.1.24017.0200020HUL32 720147	Máy gây mê kèm thở có monitor theo dõi khí mê	Leon	Lowenstein Medical GmbH \$ Co.KG	Đức	2019	2019	Cái	1	
50	MKG.1.24017.AT601018	Máy kéo giãn đốt sống cổ thắt lưng	AutoTracAT-5	Digi Medical	Hàn Quốc	2016	2016	Cái	1	
51	MLS.1.24017.SW0921015	Máy laser điều trị	KX-350-2B	Guili Kangxing	Trung quốc	2009	2009	Cái	1	
52	MNT.1.24017.11161	Máy monitor theo dõi bệnh nhân	BSM-2301K	Nihonkohden	Nhật Bản	2009	2009	Cái	1	
53	MNT.1.24017.04508 MNT.1.24017.50314	Máy monitor theo dõi bệnh nhân	BSM-2301K	Nihonkohden	Nhật Bản	2003	2003	Cái	2	
54	MNT.1.24017.A17071100832	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số có đo EtCO2	Omni II	Infinium	Mỹ	2017	2017	Cái	1	
55	NT.1.24017.S002243	Máy phân tích nước tiểu hoàn toàn tự động	ClintexNovus	Siemens	Anh	2019	2019	Cái	1	
56	TB.1.24017.1001118	Máy sinh hiển vi phẫu thuật mắt	Om-5	Takagi	Nhật Bản	2001	2001	Cái	1	
57	SA.1.24017.3093399SU4	Máy siêu âm 4D 3 đầu dò	LogiqP5	GE	Hàn Quốc	2015	2015	Cái	1	
58	SA.1.24017.617907WX0	Máy siêu âm màu 3 đầu dò có Dopler mô Logiq V5	Logiq V5	GE	T Quốc	2017	2017	Cái	1	

59	SA.1.24017.XOOB9567	Máy siêu âm xách tay 2 đầu dò	Prosound2	Hitachi - Aloka	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	
60	SA.1.24017.45855	Máy siêu âm đen trắng	SSD1100	Aloka	Nhật Bản	2004	2004	Cái	1	
61	SA.1.24017.460276WX9	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò Logiq V3	LogiqV3	GE	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	
62	SA.1.24017.336777	Máy siêu âm đen trắng số hóa	AcusonX150	Simens	Hàn Quốc	2015	2015	Cái	1	
63	STC.1.24017.DVC-003-1119	Máy soi cổ tử cung	Colpro222DX -OZview	ProMIS	Australia	2019	2019	Cái	1	
64	SN.1.24017.200811830050	Máy sóng ngắn điều trị	SW-201	Ito	Nhật Bản	2009	2009	Cái	1	
65	MTD.1.24017.27983 MTD.1.24017.27978	Monitor theo dõi bệnh nhân ≥ 7 thông số	BSM-3562	NIHON KOHDEN	Nhật Bản	2020	2020	Cái	2	
66	MNT.1.24017.11215	Monitor theo dõi bệnh nhân ≥ 7 thông số	BSM-3563	NIHON KOHDEN	Nhật Bản	2016	2016	Cái	1	
67	MT.1.24017.KMC060423 MT.1.24017.KMC060824	Máy thở CPAP	MTCCPAP	MTTS	Việt Nam	2007	2007	Cái	1	
68	MT.1.24017.7078118	Máy thở NEWPORT	HT50	Newport	Mỹ	2006	2006	Cái	1	
69	MT.1.24017.EVK11777	Máy thở sơ sinh trẻ em	eVolution3e	Event	Mỹ	2015	2015	Cái	1	
70	MT.1.24017.MB202350	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập	Bellavista1000	IMT Medical	Thụy Sĩ	2020	2020	Cái	1	
71	TD.1.24017.KN19336S TD.1.24017.KN19337S	Máy truyền dịch	Top3300	Top	Nhật Bản	2016	2016	Cái	2	
72	TD.1.24017.1008000176	Máy truyền dịch	TE112	Terumo	Nhật Bản	2010	2010	Cái	1	
73	MTS.1.24017.1825	Máy tán sỏi LASER OMNIPULSE MAX ® 80W	1210-VHP	Trimeddyne, Inc	Mỹ	2020	2020	Cái	1	
74	HH.1.24017.00850	Máy xét nghiệm huyết học 18 thông số	Mek-6510K	Nihonkohden	Nhật Bản	2015	2015	Cái	1	
75	SH.1.24017.2015064110	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	AU680	Backman	Nhật Bản	2015	2015	Cái	1	
76	ĐTT.1.24017.16090645	Máy điện từ trường	HM-2SC-A	Chuo	Nhật Bản	2016	2016	Cái	1	
77	ĐTT.1.24017.16100BZZ0035	Máy điện từ trường điều trị	HM-101	Ito	Nhật Bản	2009	2009	Cái	1	
78	ĐM.1.24017.E22900136	Máy xét nghiệm đông máu tự động hoàn toàn	HumaClotPro	Human	Đức	2019	2019	Cái	1	

79	ĐX.1.2401.00810240005	Máy điều trị điện xung	ESH-420	Ito	Nhật Bản	2009	2009	Cái	1	
80	ĐC.1.24017.002014	Máy điện châm các loại	CCVN	Viện châm cứu	Việt Nam	2014	2014	Cái	1	
81	ĐN.1.24017.AB1511100250	Máy điện não vi tính	KT88	Contec	Trung Quốc	2016	2016	Cái	1	
82	ĐT.1.24017.21618	Máy điện tim 6 cần	ECG1250K	Nihonkohden	Nhật Bản	2016	2016	Cái	1	
83	ĐT.1.24017.11724	Máy điện tim 6 cần	ECG-1250K	Nihon Koden	Nhật Bản	2016	2016	Cái	1	
84	ĐT.1.24017.50200805 ĐT.1.24017.50200807	Máy điện tim 6 kênh	FX-8200	Fukuda Denshi	Nhật Bản	2020	2020	Cái	2	
85	ĐX.1.24017.201601090013	Máy điện xung	ES-512	Ito	Nhật Bản	2016	2016	Cái	1	
86	ĐNA.1.2401.39BP2672	Máy đo (chụp) nhãn áp không tiếp xúc	NCT-200	Rexxam Co.,Ltd	Nhật Bản	2019	2019	Cái	1	
87	KXK.1.24017.4733300	Máy đo khúc xạ kế tự động	KR-800	Topcon	Nhật bản	2015	2015	Cái	1	
88	ĐCN.1.24017.1239K3605	Máy đo chức năng hô hấp	Koko	Nspire health	Mỹ	2013	2013	Cái	1	
90	SHV.1.24017.JO141200239	Sinh hiển vi khám mắt	L0185	Inami	Nhật Bản	2015	2015	Cái	1	
91	SHV.1.24017.093987	Sinh hiển vi khám mắt	SL-203	Sin -Ei	Nhật Bản	2010	2010	Cái	1	
92	SAD.1.24017.003073B	Thiết bị siêu âm điều trị hai đầu phát hai tần số	SonicVitalXcolor	Pierenkemper GmbH	Đức	2020	2020	Cái	1	
93	ĐHN.1.24017.TN2014	Đèn chiếu hồng ngoại	TNN	TNN	Việt Nam	2014	2014	Cái	1	
94	ĐVD.1.24017.9412066	Đèn chiếu vàng da	LF310	Toitu	Nhật Bản	2010	2010	Cái	1	
95	ĐVD.1.24017.P1006W02015	Đèn chiếu vàng da	KSE	MTTS	Việt nam	2005	2005	Cái	1	
96	TB.1.24017.KMPT0602011	Đèn chiếu vàng da Phototherapay	Phototherapay	MTTS	Việt nam	2010	2010	Cái	1	
97	ĐVD.1.24017.1502046 ĐVD.1.24017.1501033	Đèn điều trị vàng da	CHS-PU34	JW medical	Hàn Quốc	2016	2016	Cái	2	
98	PLM.1.24017.PLT2020L3-07-BV PLM.1.24017.PLT2020L3-19-BV	Máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương.	PlasmaMed-GAP	Công ty Cổ phần Công nghệ Plasma Việt Nam	Việt Nam	2021	2021	Cái	2	

99	LNM.2.24027.DN001-2021 LNM.2.24017.DN002-2021	Thiết bị Laser Diode nội mạch	MINI – 630	Trung Tâm Công Nghệ Laser	Việt Nam	2021	2021	Cái	1	
100	MD.1.24017.29370409	Máy xét nghiệm miễn dịch	AIA-360	Tosoh	Nhật Bản	2020	2020	Cái	1	
101	ĐG.1.24017.BE022744	Máy xét nghiệm điện giải	CBS-400	B&E	Trung Quốc	2019	2019	Cái	1	
102	SA.1.24017.50201093	Máy siêu âm đen trắng sách tay	UF-450AX	Fukuda	Nhật bản	2016	2016	Cái	1	
103	GM.1.24017.ASKM0199	Máy gây mê kèm thở	FabiusPlus	Drager	Đức	2017	2017	Cái	1	
104	GM.1.24017.ASHA0050	Máy gây mê kèm thở	FabiusPlus	Drager	Đức	2015	2015	Cái	1	
105	HH.1.24017.00937	Máy xét nghiệm huyết học 18 thông số	Mek-6510K	Nihonkohden	Nhật Bản	2015	2015	Cái	1	
106	XQ.1.24017.A912179K0	Nâng cấp máy XQ Shimadzu thành hệ thống Xquang số hóa 2 tấm cảm biến FPD	Atal9	ATLAİM	Hàn Quốc	2017	2017	Tấm	2	
107	HH.1.24017.18-12036	Máy xét nghiệm đo tốc độ máu lắng tự động	Mix-RateX20	Elitech	Hà Lan	2018	2018	Cái	1	
108	HH.1.24017.01688	Máy phân tích huyết học tự động	MEK-9100K	Nihon Kohden	Nhật Bản	2022	2022	Cái	1	
109	DT.1.24017.17147	Máy điện tim 6 kênh	ECG - 1250K	Nihon Kohden	Nhật Bản	2023	2023	Cái	1	
110	SA.1.24017.6152072WX0	Máy siêu âm màu 4D 04 đầu dò	Versana Premier	GE Medical Systems	Trung Quốc	2023	2023	Cái	1	
111	RO.1.24017. SV-RO2000 AT	Hệ thống xử lý nước RO dùng cho thận nhân tạo 2.000 lít/giờ, hệ thống tiền lọc nước nguồn, lắp đặt hệ thống điện nguồn, đường ống cấp nước RO, đường nước thải cho 20 máy thận.	SV-RO2000 AT	SenVi	Việt Nam	2023	2023	Cái	1	
112	MT.1.24017.3SXA4L4F MT.1.24017.3SXA4L4G MT.1.24017.3SXA4L4H MT.1.24017.3SXA4L4J MT.1.24017.3SXA4L4K MT.1.24017.3SXA4L4L MT.1.24017.3SXA4L4M MT.1.24017.3SXA4L4N MT.1.24017.3SXA4L4P MT.1.24017.3SXA4RLE	Máy thận nhân tạo	4008S	Fresenius Medical Care	Đức	2023	2023	Cái	10	

113	MT.1.24017.4SXA5AHE	Máy thận nhân tạo	4008S	Fresenius Medical Care	Đức	2024	2024	Cái	5	
	MT.1.24017.4SXA5AHF									
	MT.1.24017.4SXA5AHG									
	MT.1.24017.4SXA5AHH									
	MT.1.24017.4SXA5AHJ									
114	ĐG.3.24017.0390427220310	Máy xét nghiệm điện giải tự động	AS 950	ASSEL s.r.l	Italia	2024	2024	Cái	1	
115	NT.3.24017.240004	Máy phân tích nước tiểu tự động	URiSCAN Super+	YD Diagnostics	Hàn Quốc	2024	2024	Cái	1	





BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

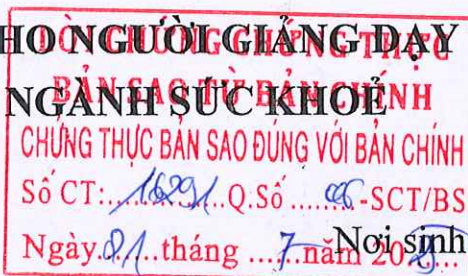
Số: 0327.20/CC-A006

CHỨNG CHỈ

**PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC LÂM SÀNG CHO NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TRONG ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH SỨC KHOẺ**

Cấp cho ông/bà: **TRẦN MẠNH HÙNG**

Sinh ngày: 03/06/1980



***Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng
cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe***

Thời gian đào tạo: Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 21 tháng 3 năm 2020

Tổng số: 40 tiết học (bằng chữ: bốn mươi tiết học)

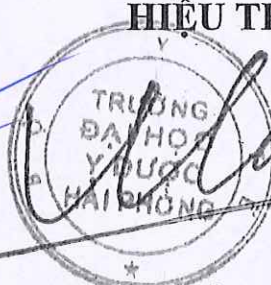
Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2020

PHỤ TRÁCH KHOA HỌC

HIỆU TRƯỞNG

Sáng

PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng



PGS.TS Nguyễn Văn Khải

CÔNG CHỨNG VIÊN
Hoàng Anh Đào

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0331.20/CC-A006

CHỨNG CHỈ
PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC LÂM SÀNG CHO NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TRONG ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH SỨC KHOẺ

Cấp cho ông/bà: **PHẠM THỊ TRANG**

Sinh ngày: 15/12/1985

Nơi sinh: Bắc Giang

*Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng
cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe*

Thời gian đào tạo: Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 21 tháng 3 năm 2020

Tổng số: 40 tiết học (bằng chữ: bốn mươi tiết học)

PHỤ TRÁCH KHOÁ HỌC

PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

SỐ CT: 5512 Q.SỐ: 11 SCT-BS



PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN THỊ NHUNG



PGS.TS Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0330.20/CC-A006

CHỨNG CHỈ
PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC LÂM SÀNG CHO NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TRONG ĐÀO TẠO KHỎI NGÀNH SỨC KHOẺ

Cấp cho ông/bà: **PHẠM ĐỨC THỌ**

Sinh ngày: 21/01/1977

Nơi sinh: Bắc Giang

*Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng
cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe*

Thời gian đào tạo: Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 21 tháng 3 năm 2020

Tổng số: 40 tiết học (bằng chữ: bốn mươi tiết học)

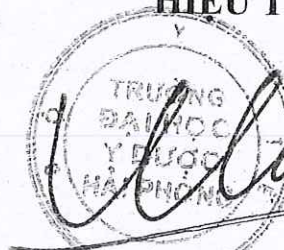
PHỤ TRÁCH KHOA HỌC

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 828 Q.SỐ: SCT-BS
Ngày: 17 tháng 7 năm 2020

Sáng



PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng

PGS.TS Nguyễn Văn Khải



CÔNG CHỨNG VIÊN
LỤC VĂN XUÂN

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0328.20/CC-4006

CHỨNG CHỈ

PHƯƠNG PHÁP DÂY - HỌC LÂM SÀNG CHO NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TRONG ĐÀO TẠO KHỎI NGÀNH SỨC KHỎE

Cấp cho ông/bà: NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG
Sinh ngày: 11/10/1981

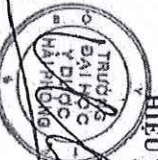
Nơi sinh: Bắc Giang

*Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng
cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo tạo khối ngành sức khỏe*
Thời gian đào tạo: Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 21 tháng 3 năm 2020
Tổng số: 40 tiết học (bằng chữ: bốn mươi tiết học)

PHỤ TRÁCH KHOA HỌC

S. Th. H.

PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Văn Khai

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

23-07-2025

SỐ CT.....96 Q.SỐ.....01...SCT-BS



PHÓ CHỦ TỊCH
HOÀNG ĐỨC CƯỜNG